

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-ST  
Ngày 07-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mã Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Quang Tùng.

Bà Nông Thị Hồng Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Thị Huyền T**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1993 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân T1, sinh năm 1970 và bà Nông Thị T2, sinh năm 1973; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08-3-2021 đến ngày 10-3-2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Bảo Lãnh, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Vũ Thị Thuỳ L**, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1983 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân L1, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Trần Thị L2, sinh năm 1936; có chồng là Nông Khánh L3, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08-7-2020 đến ngày 17-7-2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Vũ Thanh Th**, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1966 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: Xóm D, xã L, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân L1, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Trần Thị L2, sinh năm 1936; chồng: không có; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08-7-2020 đến ngày 17-7-2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Lục Thu H**, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1987 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn H1, sinh năm 1959 và bà Nông Thị H2 (đã chết); có chồng là Bế Đức H3, sinh năm 1977 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

5. Họ và tên: **Dương Đức N**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1988 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm K2, xã Y, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N1, sinh năm 1960 và bà Vi Thị N2, sinh năm 1960, có vợ là Đàm Thị Minh N3, sinh năm 1986 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: **Lê Thị Ng9**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1965 tại huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Ng10 và bà Trần Thị Ng11 (đều đã chết); có chồng là Trần Quốc Ng3 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

7. Họ và tên: **Nguyễn Bảo S**, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1995 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1966 và bà Nông Thị S2, sinh năm 1967; có vợ là Nông Thanh S3, sinh năm 1998; con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

8. Họ và tên: **Nông Thị Nguyệt A**, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1982 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Hải A1, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Đinh Thị A2, sinh năm 1944; có chồng là Trần Văn A3, sinh năm 1966 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

9. Họ và tên: **Vũ Thanh R**, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1992 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T, xã L2, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân R1, sinh năm 1962 và bà Nông Thị R2, sinh năm 1967; có chồng là Nông Ngọc R3, sinh năm 1988 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

10. Họ và tên: **Hoàng Trọng Đ**, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1989 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm B, xã L2, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nông Thị Đ2, sinh năm 1960; có vợ là Đinh Thị Đ3, sinh năm 1997 và 01 con; tiền án: không có; tiền sự: Ngày 03-3-2020, bị Công an huyện A, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ hàng cấm.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

11. Họ và tên: **Ngọc Thị Ng**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1976 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm B1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc:

Nùng; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngọc Thế Ng1 và bà Nguyễn Thúy Ng2 (đều đã chết); có chồng là Vương Mã Đức Ng3, sinh năm 1974 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

12. Họ và tên: **Hoàng Thị Y**, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1963 tại thành phố S, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hóa: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Y1, sinh năm 1930 và bà Phan Thị Y2, sinh năm 1927 (đã chết); có chồng là Nông Trung Y3, sinh năm 1959 và 01 con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

13. Họ và tên: **Nông Thị O**, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1962 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm K2, xã X, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hóa: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn O1 và bà Nông Thị O2 (đều đã chết); có chồng là Nông Ngọc O3, sinh năm 1962 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

14. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1990 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm B1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị M2, sinh năm 1963; có vợ là Phùng Thị M3, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

15. Họ và tên: **Vũ Thị I**, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1969 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm B1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: cán bộ; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn I1, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Mai Thị I2, sinh năm 1937; có chồng là Nguyễn Văn I3, sinh năm 1966 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

16. Họ và tên: **Trần Thị G**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1963 tại huyện D, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/110 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn G1 (đã chết) và bà Đoàn Thị G2, sinh năm 1936; có chồng là Đinh Quang G3, sinh năm 1959 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

17. Họ và tên: **Hoàng Văn Đ9**, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1963 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ2, xã L, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/10 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ10 và bà Hoàng Thị Đ11 (đều đã chết); có vợ là Trần Thị Đ12 sinh năm 1964 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

18. Họ và tên: **Nông Thị K**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1970 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm D, xã Lhuyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Thanh K1 và bà Nông Thị K2 (đều đã chết); có chồng là Nông Đình K3, sinh năm 1969 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

19. Họ và tên: **Nông Văn C**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1956 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hóa: lớp 7/10 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C1 và bà Nông Thị C2 (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị C3, sinh năm 1956 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

20. Họ và tên: **Nông Thanh U**, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1964 tại huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm D, xã L, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: hưu trí; trình độ văn hóa: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Đức U1 (đã chết) và bà

Đỗ Thị U2, sinh năm 1942; có chồng là Nguyễn Phan U3, sinh năm 1960 (đã chết tháng 5-2021) và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13-3-2021, hiện nay đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

*- Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Bà Nông Thị Thu Trang, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho các bị cáo Dương Đức N, Vũ Thanh R; có mặt.

2. Bà Lý Thị Nhung, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho các bị cáo Nông Thị O, Nông Thị K; có mặt.

3. Bà Hà Thị Hạnh, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho các bị cáo Hoàng Trọng Đ, Hoàng Văn Đ, Nông Thanh U; có mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Vũ Hào Q, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt;

2. Nông Đình D2, sinh năm 1969, nơi cư trú: Xóm D, xã L, huyện A, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt;

3. Trần Văn C, sinh năm 1990, nơi cư trú: Xóm B1, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt;

4. Lý Hồng C2, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt;

5. Trần Quốc K5, sinh năm 1996, nơi cư trú: Xóm O, thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt;

6. Trần Thị Kim Q, sinh năm 1983, nơi cư trú: Xóm D, xã L, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt;

7. Ma Văn D, sinh năm 1976, nơi cư trú: Xóm Th, xã Đ6, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt;

8. Đặng Thị H6, sinh năm 1978, nơi cư trú: Xóm D, xã L, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 50 phút ngày 08 tháng 7 năm 2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng bắt quả tang Vũ Thanh Th và Vũ Hào Q đang có hành vi ghi, nhận số lô, số đề trái pháp luật và thông qua tin nhắn Zalo tại nhà, sau đó chuyển cho Vũ Thuỳ L và Đỗ Thị Huyền T để hưởng phần trăm hoa hồng. Quá trình bắt quả tang đã phát hiện thu giữ điện thoại di động, cáp ghi đề, sổ sách ghi số lô, số đề, tiền Việt Nam đồng và nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi ghi, nhận số lô, số đề trái pháp luật. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Thị Thuỳ L phát hiện thu giữ điện thoại di động, bảng kê các số lô, số đề, máy tính xách tay, tiền Việt Nam đồng và nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi ghi, nhận số lô, số đề trái pháp luật.

Quá trình điều tra xác định được: Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th là đại lý xổ số cho Công ty Xổ số kiến thiết Cao Bằng tại khu vực huyện A. Khoảng tháng 4-2020, Đỗ Thị Huyền T gặp Vũ Thanh Th và Vũ Thị Thuỳ L tại thị trấn K, huyện A, tỉnh Cao Bằng đặt vấn đề muốn Th và L chuyển một phần số lô, số đề trái pháp luật cho Trang. Đến ngày 01-7-2020, Vũ Thị Thuỳ L gọi điện thoại cho Đỗ Thị Huyền T hỏi có muốn lấy số lô, số đề không, T đồng ý. Sau đó, Th và L tổng hợp các số lô, số đề mà bản thân nhận từ khách chơi và từ các thư ký gửi qua tin nhắn điện thoại và tin nhắn Zalo cho T. Các số lô, số đề Th và L gửi T giữ lại không chuyển cho ai, nếu khách trúng thưởng thì T chuyển tiền lại cho Th và L để trả cho người chơi trúng thưởng, việc thanh toán được thực hiện qua hình thức chuyển khoản.

Từ năm 2013, Vũ Thị Thuỳ L đăng ký làm tổng đại lý xổ số cho Công ty Xổ số kiến thiết Cao Bằng tại địa bàn huyện A, đến năm 2019 Vũ Thanh Th đăng ký làm đại lý cho L. Để nâng cao doanh số, L đã xây dựng 15 đại lý xổ số cấp dưới và Th đã xây dựng 03 đại lý xổ số cấp dưới. Ngoài việc ghi xổ số, lô tô Nhà nước, Th và các đại lý còn ghi số lô, số đề trái pháp luật cho người chơi với nhiều hình thức khác nhau, bao gồm:

Số lô có hai loại, loại 01 điểm lô tương ứng 20.000 đồng, trúng thưởng được 70.000 đồng và 01 điểm lô tương ứng với 23.000 đồng, trúng thưởng được 80.000 đồng. Số lô trúng thưởng được xác định là hai số cuối của tất cả 27 giải thưởng, nếu một con số lặp lại ở nhiều giải thưởng thì người trúng thưởng sẽ được nhân với số tiền trúng thưởng tương ứng với số lần con số đó xuất hiện của xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng lúc 18 giờ hàng ngày.

Đối với nhánh của Vũ Thị Thuỳ L: Các thư ký nhận của khách chơi 01 điểm lô là 20.000 đồng, chuyển lại cho L mỗi điểm lô 19.000 đồng, thu lợi bất chính 1.000 đồng, sau đó L lại tiếp tục chuyển cho T mỗi điểm lô 18.900 đồng, thu lợi bất chính 100 đồng.

Đối với nhánh của Vũ Thanh Th: Các thư ký nhận của khách chơi mỗi điểm lô tương ứng là 20.000 đồng và 23.000 đồng, chuyển lại cho Th mỗi điểm lô là 19.000 đồng và 22.000 đồng, thu lợi bất chính 1.000 đồng, sau đó Th lại tiếp tục chuyển cho L và T mỗi điểm lô 18.800 đồng và 21.800 đồng, thu lợi bất chính 200 đồng. Đối với khách chơi trực tiếp với Th thì Th chỉ thu của khách số tiền mỗi điểm lô tương ứng với số tiền các thư ký chuyển cho mình.

Số đề các thư ký nhận từ người chơi 80% tổng số tiền chơi đề, sau đó chuyển lại cho L và Th 73%, hưởng lợi 7%. Sau đó, L và Th tiếp tục chuyển lại cho T 72%, hưởng lợi 1%. Đối với Vũ Thanh Th, nếu người nào trực tiếp đến nhà ghi với Th thì Th nhận từ người chơi 75%, nếu ghi qua Zalo thì Th nhận 73%, sau đó Th chuyển cho T và L 72%, hưởng lợi lần lượt là 3% và 1%. Căn cứ để xác định trúng thưởng số đề là hai số cuối giải Đặc biệt của kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng lúc 18 giờ hàng ngày, nếu người chơi trúng thưởng sẽ được trả gấp 70 lần số tiền đã chơi.

Lô xiên các thư ký nhận từ người chơi 100% tổng số tiền chơi, sau đó chuyển lại cho L 75%, thu lợi bất chính 25%, L tiếp tục chuyển cho T bằng số tiền các thư ký chuyển, tương ứng với 75% số tiền chơi. Do số lượng người đánh lô xiên ít nên L không được hưởng lợi. Lô xiên có ba loại gồm xiên hai, xiên ba, xiên bốn, kết quả trúng thưởng gồm hai số cuối của 27 giải thưởng của Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày, nếu trùng đúng và đủ con số thì được xác định trúng thưởng với tỷ lệ trả thưởng tương ứng là 1 x 10; 1 x 40; 1 x 100.

Trong thời gian từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020, Vũ Thị Thuỳ L đã nhận số lô, số đề trái pháp luật của 15 đại lý bao gồm: Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Lý Hồng C2, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Hào Q, Vũ Quỳnh Ng, Trần Văn C, Trần Quốc K5, Nông Huyền Tr, Trần Thị X, Trần Thị Kim Q, Nguyễn Bảo S. Còn Vũ Thị Th đã nhận số lô, số đề trái pháp luật của 03 đại lý gồm: Ngọc Thị Ng, Nông Thị O, Nông Thị Nguyệt A và trực tiếp nhận số lô, số đề trái pháp luật từ người chơi là Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị H8, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U, Vũ Như L8, Đặng Thị H6, Ma Văn D, Hoàng Văn H9, Nông Đình D, Lý Thị Đ8 và một số người khác.

Quá trình điều tra, ngoài những người chơi số lô, số đề đã xác định được họ tên, địa chỉ thì một số tin nhắn Zalo trong điện thoại của các thư ký và trong các ghi đề không ghi rõ họ tên, địa chỉ người chơi số lô, số đề nên không xác định được chính xác tổng số người chơi để xem xét trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra chỉ căn cứ vào số tiền chơi và số tiền trúng thưởng để xác định trách nhiệm hình sự của những người liên quan. Trong đó, tổng số tiền nhận được từ khách chơi số lô, số đề

và số tiền trúng thưởng của các đại lý Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nông Thị Nguyệt A đủ định lượng cầu thành tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng số tiền nhận được từ khách chơi số lô, số đề và số tiền trúng thưởng của các đại lý Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng và của những người chơi trực tiếp với Vũ Thanh Th bao gồm: Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ, Nông Thị K, Nông Văn C và Nông Thanh U đủ định lượng cầu thành tội “Đánh bạc”.

Sau khi nhận số lô, số đề trái pháp luật từ các thư ký, Vũ Thị Thuỳ L đã chuyển cho Đỗ Thị Huyền T nhằm thu lợi bất chính tiền % chênh lệch. Vũ Thanh Th sau khi nhận số lô, số đề trái pháp luật từ các thư ký và trực tiếp nhận từ người chơi thì chia thành hai phần, một phần chuyển cho L, một phần chuyển cho T nhằm thu lợi bất chính tiền % chênh lệch.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, xác định các bị cáo phạm tội như sau:

1. Đỗ Thị Huyền T là người có vai trò chủ mưu, cầm đầu trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 10.326.000 đồng, phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền do Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th chuyển trong 08 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 200.575.000 đồng.

2. Vũ Thị Thuỳ L là người có vai trò thực hành tích cực trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.057.000 đồng, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền do 15 đại lý thư ký cấp dưới chuyển trong 08 ngày từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 mà bị cáo đã chuyển cho Đỗ Thị Huyền T, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 182.425.000 đồng.

3. Vũ Thanh Th là người có vai trò thực hành tích cực, thu lợi bất chính tổng số tiền 3.611.000 đồng, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền do 03 đại lý thư ký cấp dưới và 15 người trực tiếp chơi số lô, số đề với bị cáo từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 mà bị cáo đã chuyển cho Đỗ Thị Huyền T và Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 148.830.000 đồng.

4. Nông Thị Nguyệt A là người có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 12.814.519 đồng, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với bị cáo trong 08 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 mà bị cáo đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 105.620.000 đồng.

5. Lục Thu H là người có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 8.278.000 đồng, H phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với H trong 06 ngày, bao gồm: Ngày 02-7-2020 và từ ngày 04-7-2020 đến ngày 08-7-2020 mà H đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 96.450.000 đồng.

6. Dương Đức N có vai trò đồng phạm giúp sức, thu lợi bất chính tổng số tiền 13.957.000 đồng, Tuân phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức đánh bạc đối với toàn bộ tổng số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với T trong 08 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 mà T đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 77.390.000 đồng.

7. Lê Thị Ng9 là người có vai trò đồng phạm giúp sức, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.876.000 đồng, Ng phải chịu trách nhiệm hình sự tội tổ chức đánh bạc đối với toàn bộ tổng số tiền mà những người trực tiếp chơi số lô, số đề với Ng trong ngày 05-7-2020.

8. Nguyễn Bảo S có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.761.000 đồng, S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức đánh bạc đối với toàn bộ số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với S trong ngày 07-7-2020 tương ứng với số tiền đánh bạc là 20.550.000 đồng.

9. Vũ Thanh R là người có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 3.048.000 đồng, R phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với R trong 05 ngày, ngày 01-7-2020, ngày 03-7-2020 và từ ngày 05-7-2020 đến ngày 07-7-2020 mà R đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 15.520.000 đồng.

10. Hoàng Trọng Đ là người có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 1.974.000 đồng, Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với Đ trong 04 ngày, ngày 03-7-2020 và từ ngày 05-7-2020 đến ngày 07-7-2020, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 13.825.000 đồng.

11. Ngọc Thị Ng là người có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.367.000 đồng, Ng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền do bị cáo trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong 08 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 33.965.000 đồng.

12. Nông Thị O là người có vai trò đồng phạm trong vụ án, thu lợi bất chính tổng số tiền là 452.000 đồng, O phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền do những người trực tiếp chơi số lô, số đề với O và số tiền O trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thị Thanh Th trong ngày 08-7-2020, tương ứng với số tiền dùng để đánh bạc là 31.116.000 đồng.

13. Hoàng Thị Y là người có vai trò thực hành trong vụ án, Y phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền Y đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong 02 ngày, từ ngày 07-7-2020 đến ngày 08-7-2020, tương ứng với số tiền dùng để đánh bạc ngày cao nhất là 26.470.000 đồng.

14. Nguyễn Văn M là người có vai trò thực hành trong vụ án, M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền bị cáo trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong 07 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 03-7-2020 và từ ngày 05-7-2020 đến ngày 08-7-2020, tương ứng với số tiền dùng để đánh bạc ngày cao nhất là 13.850.000 đồng.

15. Trần Thị G là người có vai trò thực hành trong vụ án, G phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền bị cáo trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong 05 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 05-7-2020, tương ứng với số tiền dùng để đánh bạc ngày cao nhất là 10.966.000 đồng.

16. Hoàng Văn Đ9 là người có vai trò thực hành trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền bị cáo đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong 04 ngày, từ ngày 04-7-2020 đến ngày 05-7-2020 và từ ngày 07-7-2020 đến ngày 08-7-2020, tương ứng với số tiền dùng để đánh bạc ngày cao nhất là 9.050.000 đồng.

17. Nông Thanh U là người có vai trò thực hành trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với toàn bộ số tiền bị cáo đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong ngày 07-7-2020 với số tiền dùng để đánh bạc là 12.100.000 đồng.

18. Vũ Thị I là người có vai trò thực hành trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền bị cáo đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong ngày 08-7-2020 với số tiền đã dùng để đánh bạc là 11.430.000 đồng.

19. Nông Thị K là người có vai trò thực hành trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền bị cáo đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong ngày 05-7-2020 với số tiền đã dùng để đánh bạc là 5.340.000 đồng.

20. Nông Văn C là người có vai trò thực hành trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th trong ngày 07-7-2020 với số tiền đã dùng để đánh bạc là 5.250.000 đồng.

Đối với Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng là thư ký ghi số lô, số đề trái pháp luật, sau đó chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th để thu lợi bất chính. Tuy nhiên, tổng số tiền khách chơi và trúng thưởng của mỗi kỳ quay xổ số từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng nên các bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức đánh bạc mà chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc.

Đối với những người làm thư ký đề và những người chơi số lô, số đề khác như Lý Hồng C2, Vũ Hào Q, Vũ Quỳnh Ng5, Trần Văn C, Trần Quốc K5, Nông Huyền Tr, Trần Thị X, Trần Thị Kim Q, Vũ Như L8, Đặng Thị H6, Ma Văn D, Hoàng Văn H9, Nông Đình D, Lý Thị Đ8. Quá trình điều tra không xác định được các thư ký này ghi cho bao nhiêu người và số tiền của mỗi kỳ quay xổ số đều dưới 5.000.000 đồng nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này.

Tại phiên toà, tất cả các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 01-4-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 38/CTr-VKSCB.P2 truy tố:

Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thanh Th, Vũ Thị Thuỳ L, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thanh Th, Vũ Thị Thuỳ L, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt chính:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đỗ Thị Huyền T từ 130 triệu đồng đến 140 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Thị Thuỳ L từ 120 triệu đồng đến 130 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Thanh Th từ 100 triệu đồng đến 110 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Thị Nguyệt A từ 70 triệu đồng đến 80 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lục Thu H từ 70 triệu đồng đến 80 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Dương Đức N từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S mỗi bị cáo từ 50 triệu đồng đến 55 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Thị Y, Hoàng Trọng Đ mỗi bị cáo từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn M từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Thanh R, Trần Thị G mỗi bị cáo từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn Đ9 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Ngọc Thị Ng từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Thị O từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Thị I 20 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U mỗi bị cáo từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

3. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại di động của các bị cáo sử dụng để ghi số lô, số đề và đánh bạc; 01 (một) máy tính hiệu DELL có chứa dữ liệu liên quan đến số lô, số đề của Vũ Thị Thuỳ L.

Tuyên trả lại điện thoại và số tiền 18.758.000 đồng cho Vũ Hào Q; Trả lại điện thoại cho Trần Văn C, Trần Quốc K5, Lý Hồng C2, Trần Thị Kim Q, Ma Văn D, Đặng Thị H6.

Trả cho bị cáo Đỗ Thị Huyền T 01 chứng minh nhân dân; trả cho Vũ Thanh Th 10 tờ giấy vay tiền; 1.190.000 đồng nhưng tạm giữ số tiền để bảo đảm thi hành án.

Trả cho Nông Đình D2 số tiền 313.000 đồng.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, bị cáo Vũ Thị I được miễn nộp án phí.

Bà Nông Thị Thu Trang bào chữa cho bị cáo Dương Đức N, Vũ Thanh R: Hành vi của các bị cáo đã được làm rõ, bị cáo N phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số tiền người chơi lô, đề ngày cao nhất là 77.390.000 đồng, thu lợi bất chính 13.957.000 đồng; R phải chịu trách nhiệm với số tiền người chơi lô, đề ngày cao nhất là 15.520.000 đồng, thu lợi bất chính 3.048.000 đồng. Tôi nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ vụ án. Về vai trò, các bị cáo là đồng phạm giúp sức, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo, bị cáo R áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự, áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với các bị cáo, cụ thể đối với T là 50 triệu đồng, R là 20 triệu đồng.

Các bị cáo Dương Đức N, Vũ Thanh R không có ý kiến bổ sung.

Bà Hà Thị Hạnh bào chữa cho bị cáo Hoàng Trọng Đ, Hoàng Văn Đ9, Nông Thanh U: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Tuyết lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Đạo có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác, đề nghị áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo Đ; đối với bị cáo Đ9, U đề nghị xử phạt mỗi bị cáo 20 triệu đồng.

Các bị cáo Hoàng Trọng Đ, Hoàng Văn Đ9, Nông Thanh U không có ý kiến bổ sung.

Bà Lý Thị Nhung bào chữa cho Nông Thị O, Nông Thị K: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về tính chất và mức độ hành vi phạm tội, bị cáo O là người đồng phạm giúp sức, K là người thực hành, số tiền đánh bạc không lớn. Về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi phạm tội các bị cáo luôn thực hiện tốt chính sách pháp luật ở địa phương, bị cáo O có mẹ đẻ có công với cách mạng, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với O; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với K; áp dụng Điều 17, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt tiền thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo Nông Thị O, Nông Thị K không có ý kiến bổ sung.

Các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thùy L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Nông Văn C trình bày lời bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Trong lời nói sau cùng, tất cả 20 bị cáo đều mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét chỗ ở; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung các bị cáo, dữ liệu điện tử trích xuất từ những chiếc điện thoại thu giữ được của các bị cáo, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020, Đỗ Thị Huyền T đã 08 lần nhận từ Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th số lô, số đề trái pháp luật, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 200.575.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 10.326.000 đồng.

Vũ Thị Thuỳ L từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 đã chuyển số tiền do 15 đại lý thư ký cấp dưới chuyển đến cho Đỗ Thị Huyền T, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 182.425.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 2.057.000 đồng.

Vũ Thanh Th từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 đã chuyển cho Đỗ Thị Huyền T và Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 148.830.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 3.611.000 đồng.

Nông Thị Nguyệt A từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 105.620.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 12.814.519 đồng.

Lục Thu H ngày 02-7-2020 và các ngày từ 04-7-2020 đến 08-7-2020 chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 96.450.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 8.278.000 đồng.

Dương Đức N từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020 chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 77.390.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 13.957.000 đồng.

Lê Thị Ng9 trong ngày 05-7-2020 đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc là 24.814.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 2.876.000 đồng.

Nguyễn Bảo S trong ngày 07-7-2020 đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L tương ứng với số tiền đánh bạc là 20.550.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 2.761.000 đồng.

Vũ Thanh R trong các ngày 01-7-2020; 03-7-2020 và từ ngày 05-7-2020 đến ngày 07-7-2020 đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc của ngày cao nhất là 15.520.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 3.048.000 đồng.

Hoàng Trọng Đ trong các ngày 03-7-2020 và từ ngày 05-7-2020 đến 07-7-2020 đã chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 13.825.000 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 1.974.000 đồng.

Ngọc Thị Ng từ ngày 01-7-2020 đến ngày 08-7-2020, có nhiều người chơi số lô, số đề trực tiếp với Ngà, đồng thời Ngà cũng trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 33.965.000 đồng.

Nông Thị O trong ngày 08-7-2020 có nhiều người chơi số lô, số đề trực tiếp với O, đồng thời O cũng trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc là 31.116.000 đồng.

Hoàng Thị Y trong 02 ngày, từ ngày 07-7-2020 đến ngày 08-7-2020 đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 26.470.000 đồng.

Nguyễn Văn M trong 07 ngày, từ ngày 01-7-2020 đến ngày 03-7-2020 và từ ngày 05-7-2020 đến ngày 08-7-2020 đã trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 13.850.000 đồng.

Trần Thị G từ ngày 01-7-2020 đến ngày 05-7-2020 trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 10.966.000 đồng.

Hoàng Văn Đ9, trong 04 ngày, từ ngày 04-7-2020 đến ngày 05-7-2020 và từ ngày 07-7-2020 đến ngày 08-7-2020 trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc ngày cao nhất là 9.050.000 đồng.

Nông Thanh U trong ngày 07-7-2020 trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc là 12.100.000 đồng.

Vũ Thị I trong ngày 08-7-2020 trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc là 11.430.000 đồng.

Nông Thị K trong ngày 05-7-2020 trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc là 5.340.000 đồng.

Nông Văn C trong ngày 07-7-2020 trực tiếp chơi số lô, số đề với Vũ Thanh Th, tương ứng với số tiền đánh bạc là 5.250.000 đồng.

Hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm kiếm tiền bất hợp pháp bằng hành vi bị pháp luật nghiêm cấm.

Hành vi tổ chức đánh bạc của Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thanh Th, Vũ Thị Thuỳ L, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A có đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự;

Hành vi đánh bạc của các bị cáo Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U có số tiền dùng để đánh bạc một lần từ 5.000.000 đồng trở lên đến dưới 50.000.000 đồng có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thanh Th, Vũ Thị Thuỳ L, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý trước pháp luật để răn đe giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngoài bị cáo Hoàng Trọng Đ đã có 01 tiền sự, tất cả 19 bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở nơi cư trú.

Về tình tiết tăng nặng: Có 13 bị cáo là Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nguyễn Văn M, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9 cùng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả 20 bị cáo là Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài tình tiết giảm nhẹ nêu trên, một số bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau:

Bị cáo Đỗ Thị Huyền T tự mình đến cơ quan chức năng đầu thú và tự Ng nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thị Thuỳ L và Vũ Thanh Th có bố là Vũ Xuân L1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, L tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính, Th nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính (2.963.000đ/3.611.000đ) do phạm tội mà có được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Bị cáo Nông Thị Nguyệt A có bố là Nông Hải A1 và mẹ là Đinh Thị A2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, bị cáo tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Thị O "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", có mẹ là Nông Thị O2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, bị cáo tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thị I "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", có bố Vũ Văn I1 là Liệt sỹ, có chồng là Nguyễn Văn I3 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, x khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Thị K, Nông Văn C và Nông Thanh U "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân người phạm tội, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo vẫn bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*"; khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần*

hoặc toàn bộ tài sản”. Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với 20 bị cáo nên không tiếp tục hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với các vật chứng là tài sản dùng để thực hiện hành vi phạm tội thì tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước; đối với các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho các bị cáo và người làm chứng.

[6] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Các bị cáo Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Nông Thị Nguyệt A, Dương Đức N, xử phạt:

- + **Đỗ Thị Huyền T** 140.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Vũ Thị Thuỳ L** 130.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Vũ Thanh Th** 110.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Lục Thu H** 75.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Nông Thị Nguyệt A** 75.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Dương Đức N** 55.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo Lê Thị Ng9 và Nguyễn Bảo S, xử phạt:

- + **Lê Thị Ng9** 50.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Nguyễn Bảo S** 50.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 bị cáo Ngọc Thị Ng, Hoàng Trọng Đ, Vũ Thanh R, xử phạt:

- + **Ngọc Thị Ng** 40.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Hoàng Trọng Đ** 40.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Vũ Thanh R** 25.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 bị cáo Hoàng Thị Y, Nguyễn Văn M, Trần Thị G, xử phạt:

- + **Hoàng Thị Y** 35.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Nguyễn Văn M** 35.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Trần Thị G** 25.000.000 nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Hoàng Văn Đ9** 25.000.000 nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nông Thị O** 20.000.000 đồng triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Vũ Thị I** 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 bị cáo Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U, xử phạt:

- + **Nông Thị K** 20.000.000 nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Nông Văn C** 20.000.000 nộp ngân sách Nhà nước.
- + **Nông Thanh U** 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

## 2. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể số tiền từng bị cáo phải nộp như sau:

1. Đỗ Thị Huyền T: 10.326.000 đồng.
2. Vũ Thị Thuỳ L: 2.057.000 đồng.
3. Vũ Thanh Th: 3.611.000 đồng.
4. Nông Thị Nguyệt A: 12.814.519 đồng.
5. Lục Thu H: 8.278.000 đồng.
6. Dương Đức N: 13.957.000 đồng.
7. Lê Thị Ng9: 2.876.000 đồng.
8. Nguyễn Bảo S: 2.761.000 đồng.
9. Vũ Thanh R: 3.048.000 đồng.
10. Hoàng Trọng Đ: 1.974.000 đồng.
11. Ngọc Thị Ng: 2.367.000 đồng.
12. Nông Thị O: 452.360 đồng.

Xác nhận các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Nông Thị Nguyệt A, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Nông Thị O đã nộp đủ số tiền phải truy thu.

Bị cáo Vũ Thanh Th đã nộp được 2.963.000 đồng (phần thu lợi bất chính từ số lô, số đề chuyển cho Vũ Thị Thuỳ L), Th còn phải nộp tiếp 648.000 đồng (phần thu lợi bất chính từ số lô, số đề chuyển cho Đỗ Thị Huyền T).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.289.000 đồng thu giữ của Vũ Hào Q là số tiền có được từ việc ghi số lô, số đề trái pháp luật trong ngày 08-7-2020.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Sam sung của Vũ Thị Thuỳ L”.

+ 01 (một) máy tính hiệu DELL SERVICE TAG(S/N) đã qua sử dụng có chứa dữ liệu liên quan đến số lô, số đề. Máy bật không lên nguồn, không kiểm tra chi tiết bên trong.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Vũ Thanh Th”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động OPPO Lục Thu H”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Vivo của Dương Đức N”.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, đã qua sử dụng của Lê Thị Ng9.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động SAMSUNG Nguyễn Bảo S”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động OPPO Nông Thị Nguyệt A”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Vũ Thanh R”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động SAMSUNG của Hoàng Trọng Đ”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Vivo của Ngọc Thị Ng”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động SAMSUNG của Hoàng Thị Y”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone màu đen của Nông Thị O”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone màu trắng của Nông Thị O”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Nguyễn Văn M”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Vũ Thị I”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Redminote của Trần Thị G”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Vivo của Hoàng Văn Đ9”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Huawei của Nông Thị K”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động SAMSUNG của Nông Văn C”.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Nông Thanh U”.

- Trả lại cho bị cáo và những người làm chứng các vật chứng là đồ vật, tài sản sau:

+ Trả lại cho Đỗ Thị Huyền T 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Huyền T.

+ Trả lại cho Vũ Thanh Th số tiền 1.190.000 đồng nhưng tạm giữ số tiền này để bảo đảm thi hành án.

+ Trả lại cho Nông Đình D2 số tiền 313.000 đồng.

+ Trả lại cho Vũ Hào Q 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Vũ Hào Q”; số tiền 16.469.000 đồng.

+ Trả lại cho Trần Văn C 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Trần Văn C”.

+ Trả lại cho Trần Quốc K5 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Trần Quốc K5”.

+ Trả lại cho Lý Hồng C2 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Iphone của Lý Hồng C2”.

+ Trả lại cho Trần Thị Kim Q 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động OPPO của Trần Thị Kim Q”.

+ Trả lại cho Ma Văn D 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động OPPO của Ma Văn D”.

+ Trả lại cho Đặng Thị H6 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động Vivo của Đặng Thị H6”.

Toàn bộ số tiền tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Vũ Hào Q, số tiền trả lại cho Vũ Thanh Th, Nông Đình D2, Vũ Hào Q được để trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “Số tiền 20.261.000 đồng trong vụ án: Vũ Thị Thuỳ L tổ chức đánh bạc, đánh bạc tại huyện A, Cao Bằng”. Có kết luận giám định kèm theo.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng 68 ngày 05-4-2021.

### 3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

### 4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Đỗ Thị Huyền T, Vũ Thị Thuỳ L, Vũ Thanh Th, Lục Thu H, Dương Đức N, Lê Thị Ng9, Nguyễn Bảo S, Nông Thị Nguyệt A, Vũ Thanh R, Hoàng Trọng Đ, Ngọc Thị Ng, Hoàng Thị Y, Nông Thị O, Nguyễn Văn M, Vũ Thị I, Trần Thị G, Hoàng Văn Đ9, Nông Thị K, Nông Văn C, Nông Thanh U có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKS ND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- UBKT huyện ủy huyện A;
- Cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mã Văn Quân**

